

Số: 121/2026/QĐST-HNGĐ

Tuyên Quang, ngày 23 tháng 02 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án thụ lý số: 70/2026/TLST-HNGĐ, ngày 03 tháng 02 năm 2026, giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị **Lý Thị D** (Lý Thị C), sinh ngày 03/6/1984. Địa chỉ: Thôn N, xã S, tỉnh Tuyên Quang.

- *Bị đơn*: Anh **Vi Văn C1**, sinh ngày 20/3/1981. Địa chỉ: Thôn N, xã S, tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ vào các Điều 212, 213 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13 tháng 02 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13 tháng 02 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị **Lý Thị D** (Lý Thị C) và anh **Vi Văn C1**.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 20, ngày 11 tháng 4 năm 2019 tại UBND xã N, huyện S, tỉnh Tuyên Quang (nay UBND xã S, tỉnh Tuyên Quang))

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về con chung**: Chị Lý Thị D và anh Vi Văn C1 đều xác định có 03 con chung: Cháu Vi Thị Hải Y, sinh ngày 19/9/2002; cháu Vi Hải T, sinh ngày 20/12/2005 và cháu Vi Bảo N, sinh ngày 07/01/2019. Các đương sự thống nhất

thoả thuận là giao cháu Vi Bảo N, sinh ngày 07/01/2019 cho chị Lý Thị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh Vi Văn C1 không phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị Lý Thị D và có quyền nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai ngăn cản.

Đối với các cháu Vi Thị Hải Y, Vi Hải T đã trưởng thành 18 tuổi, có khả năng tự lao động được nên các đương sự không đề nghị Tòa án giải quyết.

- **Về tài sản chung, vay nợ chung:** Chị Lý Thị D và anh Vi Văn C1 đều xác định tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về án phí:** Chị Lý Thị D phải nộp tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng). Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số: 36 ngày 03/02/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang và Giấy thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 000012423538, ngày 03/02/2026 của Công ty cổ phần T1. Trả lại cho chị Lý Thị D số tiền chênh lệch là 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng).

Anh Vi Văn C1 không phải nộp tiền án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TQ;
- VKSND khu vực 1;
- THADS tỉnh TQ;
- UBND xã S;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu.

THẨM PHÁN

Tạ Hồng Chiến